

Bản án số: 19/2025/HSST
Ngày 26/9/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hữu Ý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và ông Mai Văn Chát.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình; xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 09/9/2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 12/9/2025 đối với bị cáo:

Lê Quốc C, sinh năm 1999; nơi thường trú Khu phố A, phường N, thị xã B, nay là phường Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Quốc H và bà Khổng Thị L; vợ con chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2025 đến ngày 09/4/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N; có mặt.

Bị hại: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1998; nơi cư trú xóm B, xã H, huyện K, nay là xã K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Văn C1, sinh năm 1962; nơi cư trú xóm B, xã H, huyện K, nay là xã K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Quốc T, anh Trần Văn V; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm và cần tiền trả nợ, nên C đã nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản, C đi tìm hiểu các Cửa hàng mua bán vàng bạc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có ít người quản lý, bảo vệ và ít khách đến giao dịch để tìm cách chiếm đoạt tài sản. Khoảng 09 giờ ngày 07/4/2025 C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 81B2-886.30 đi đến địa phận xóm B, xã H, huyện K nay là xã K, tỉnh Ninh Bình; C thấy Cửa hàng V1 vắng khách mua hàng nên C dựng xe bên ngoài rồi đi vào bên trong Cửa hàng. C thấy chỉ có chị N nên hỏi chị N cho xem chiếc nhẫn vàng “9999” các loại 2 chỉ, 3 chỉ, 4 chỉ; chị N lấy cho C xem 01 nhẫn vàng 03 chỉ, C cầm nhẫn đeo thử vào ngón giữa của bàn tay trái, sau đó lại yêu cầu chị N cho xem chiếc nhẫn khác. Lợi dụng lúc chị N lấy nhẫn

khác trong tủ không để ý, C nhanh chóng cầm chiếc nhẫn chị N vừa đưa và bỏ chạy ra ngoài vị trí dựng xe mô tô để tẩu thoát, thì bị người dân và lực lượng Công an bắt quả tang; thu giữ trên tay C 01 nhẫn màu vàng, bên trong có chữ “HY3C” bên ngoài có chữ “KC9999” tiến hành niêm phong ký hiệu A1.

Cơ quan điều tra Công an huyện K đã gửi vật chứng thu giữ của C ký hiệu A1 để trưng cầu giám định. Tại Kết luận giám định số 3265/KL-KTHS ngày 23/4/2025 của V2 Bộ C2 kết luận: 01 nhẫn kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình chữ nhật có chữ nước ngoài bên trong có chữ “HY3C” bên ngoài có chữ, số “KC9999” gửi giám định có khối lượng 11,24 gam là vàng (Au) hàm lượng 99,94%.

Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: Giá trị 01 nhẫn vàng (Au) có khối lượng 11,24 gam, hàm lượng 99,94% tại thời điểm ngày 07/4/2025 là 29.527.000 đồng.

Cáo trạng số 17/CT-VKS-KV4 ngày 07/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo C về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo C phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo C từ 18 tháng đến 21 tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 07/4/2025.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô Hoda Wave biển kiểm soát 81B2-886.30. Trả lại cho bị cáo C 01 điện thoại Iphone 6s màu bạc; 01 dao gấp bằng kim loại; 01 túi đeo chéo màu xanh than; 01 kính đeo gọng kính màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu bạc loại mũ nửa đầu.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng và không có ý kiến tranh luận gì. Nói lời sau cùng bị cáo trình bày đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa và bản tự khai; lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; kết luận giám định; kết luận định giá kết luận và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 9 giờ ngày 07/4/2025 bị cáo C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 81B2-886.30 đi đến Cửa hàng V1; địa chỉ xóm B, xã H, huyện K, nay là xã K, tỉnh Ninh Bình; C dựng xe bên ngoài rồi đi vào bên trong Cửa hàng giả vờ hỏi mua vàng. Sau khi được chị N là người

bán hàng đưa cho xem chiếc nhẫn vàng loại 03 chỉ, bị cáo đeo nhẫn vào tay rồi tiếp tục yêu cầu cho xem chiếc nhẫn khác; lợi dụng sơ hở khi chị N đang lấy chiếc nhẫn khác, bị cáo nhanh chóng bỏ chạy ra ngoài điều khiển xe tàu thoát nhằm chiếm đoạt chiếc nhẫn vàng 03 chỉ, có trị giá là 29.527.000 đồng thì bị bắt giữ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Điều 171. Tội cướp giật tài sản

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội, mức độ nguy hiểm cho xã hội, giá trị tài sản chiếm đoạt; tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn; buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời hạn nhất định đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo; đồng thời đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Chị N đã nhận lại chiếc nhẫn vàng loại 03 chỉ và không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc nhẫn vàng loại 03 chỉ bị cáo chiếm đoạt của chị N, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N là đúng pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh biển kiểm soát 81B2-886.30; số khung RLHHC09053Y175735; số máy HC09E0175889 là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Iphone 6s màu bạc; 01 dao gấp bằng kim loại; 01 túi đeo chéo màu xanh than; 01 kính đeo gọng kính màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu bạc loại mũ nửa đầu, đều là tài sản của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Quốc C phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Xử phạt Lê Quốc C 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày tạm giữ 07/4/2025.

3. Tịch thu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh biển kiểm soát 81B2-886.30; số khung RLHHC09053Y175735; số máy HC09E0175889 để sung ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Iphone 6s màu bạc; 01 dao gấp bằng kim loại; 01 túi đeo chéo màu xanh than; 01 kính đeo gọng kính màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu bạc loại mũ nửa đầu (Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả như biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/9/2025 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh N với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Ninh Bình).

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4.
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình.
- Bị cáo, bị hại.
- Người có QLVN liên quan.
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Hữu Ý